



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

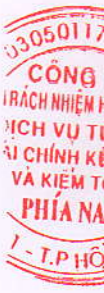
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 40



Trưởng ban	Thành viên	Chức vụ	Cố định hay không
- Ông Mai Văn Thành	Viet Nam	Chủ tịch	1963/2011
- Ông Hoàng Thanh Sơn	Viet Nam	Đông chủ tịch	1973/2011
- Ông Phạm Ngọc Sơn	Viet Nam	Thành viên	1971/2011
- Ông Trần Tuấn Trí	Viet Nam	Thành viên	1972/2011
- Ông Đỗ Thanh Lộc	Viet Nam	Thành viên	1961/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) và vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 50.161.240.000 đồng.

Trụ sở của Công ty: 246 Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.658.278

Fax: 0650.3.625.379

Hoạt động chính của Công ty:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Các sự kiện sau ngày kết thúc kế toán năm 2016

Sau ngày kết thúc kế toán năm 2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	19/03/2011	-
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	-
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	-
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	-
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Thành Viên	23/04/2016	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Giám đốc	05/11/2014	-
- Ông Trương Văn Hiện	Việt Nam	Phó Giám đốc	05/12/2014	-

Ban kiểm soát:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	19/03/2011	-
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	-
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	-

Kế toán trưởng

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam	01/12/2006	-

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

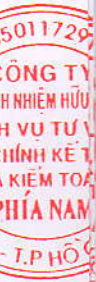
246 Khu phố Cây Chàm, P Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2017



MAI VĂN CHÁNH



Số: 86 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 06 / 3 /2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2017

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**

Phó Tổng Giám Đốc



Đình Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

Lưu Vinh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.023.602.474	25.800.681.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	12.571.015.504	9.690.679.792
1. Tiền	111		3.071.015.504	1.690.679.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2	6.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.919.373.905	1.478.499.732
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	1.725.553.816	1.137.786.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48.731.200	74.700.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.4.1	145.088.889	266.013.525
III. Hàng tồn kho	140		16.366.689.080	14.132.045.000
1. Hàng tồn kho	141	6.5	16.366.689.080	14.132.045.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		166.523.985	499.457.105
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.6.1	157.707.619	487.297.704
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.11	8.816.366	12.159.401
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.803.942.008	41.005.964.373
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		283.228.792	255.191.821
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.4.2	283.228.792	255.191.821
II. Tài sản cố định	220		6.386.145.693	6.585.868.486
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	6.386.145.693	6.585.868.486
- Nguyên giá	222		20.380.716.844	19.037.762.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.994.571.151)	(12.451.893.813)
III. Tài sản dài hạn khác	260		31.134.567.523	34.164.904.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.6.2	30.561.834.215	33.377.483.377
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8.1	572.733.308	787.420.689
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		74.827.544.482	66.806.646.002

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.220.586.091	6.578.572.356
I. Nợ ngắn hạn	310		7.802.751.032	6.310.194.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.9	2.115.636.982	951.523.006
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.10	113.604.720	11.084.365
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.11	3.864.610.219	3.498.443.766
4. Phải trả người lao động	314		61.668.000	172.648.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.12	213.054.000	282.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.13	451.958.340	577.713.569
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		982.218.771	816.781.426
II. Nợ dài hạn	330		417.835.059	268.378.224
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	6.8.2	29.017.778	3.752.778
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	6.14	388.817.281	264.625.446
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.606.958.391	60.228.073.646
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.15	66.606.958.391	60.228.073.646
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.161.240.000	46.683.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.161.240.000	46.683.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(730.457.045)	(730.457.045)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.009.876.602	6.845.362.752
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.166.298.834	7.430.167.939
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		473.202.939	241.736.037
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		8.693.095.895	7.188.431.902
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		74.827.544.482	66.806.646.002

Bình Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Hứa Ngọc Chính


 Hứa Ngọc Chính




 Đỗ Thành Lộc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	54.377.031.778	48.971.291.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		54.377.031.778	48.971.291.965
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	33.737.528.230	30.017.724.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.639.503.548	18.953.567.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	501.989.319	270.421.350
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	7.4	453.293.096	717.723.495
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.5	5.321.634.215	4.293.321.644
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		15.366.565.556	14.212.943.645
11. Thu nhập khác	31	7.6	140.881.752	111.744.176
12. Chi phí khác	32	7.7	949.658.469	186.463.061
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(808.776.717)	(74.718.885)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.557.788.839	14.138.224.760
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	2.672.697.952	3.599.960.449
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.10	239.952.381	(380.734.616)
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		11.645.138.506	10.918.998.927
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.11	-1.977	1.985
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.12	1.977	1.985

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu


Kế toán trưởng

Giám đốc


Hứa Ngọc Chính


Hứa Ngọc Chính




Đỗ Thành Lộc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.039.858.360	51.271.936.100
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.495.629.507)	(21.569.542.251)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.846.804.000)	(9.626.976.850)
4- Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.260.960.449)	(2.323.116.808)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		590.774.203	887.379.914
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(11.331.943.040)	(9.691.427.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.695.295.567	8.948.252.953
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.841.855.590)	(7.012.914.500)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50.000.000	-
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(6.000.000.000)	-
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.000.000.000
5- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		375.646.532	276.052.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.416.209.058)	(5.736.862.067)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
2- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.398.768.584)	(3.246.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.398.768.584)	(3.246.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		2.880.317.925	(35.419.114)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6,1	9.690.679.792	9.726.081.851
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.787	17.055
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6,1	12.571.015.504	9.690.679.792

Người lập biểu

Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng

Hứa Ngọc Chính

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc
CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI
CAO CẤP

Đỗ Thành Lộc

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03/08/2016) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 50.161.240.000 đồng.

Ngành, nghề kinh doanh:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác, khai thác cát xây dựng giữa các lớp sét tại mỏ sét.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007. Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo thông tư 200, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2016.

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5. Các chính sách kế toán áp dụng

5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

5.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	08	năm
Phương tiện vận tải	08	năm

5.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

5.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

5.8. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.9. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong nhiều năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 1 tại khu vực mỏ sét được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 2 (chưa khai thác) thì chưa phân bổ chi phí này.

5.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trong kỳ, Công ty tạm phân phối lợi nhuận cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thưởng ban quản lý điều hành công ty, Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (TM 6.14.1. Vốn chủ sở hữu).

5.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

5.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

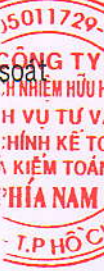
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt (VND)	591.434.237	84.236.877
- Tiền gửi ngân hàng	2.479.581.267	1.606.442.915
+ Tiền gửi (VND)	2.477.808.653	1.604.444.416
+ Tiền gửi (USD)	1.772.614	1.998.499
- Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	8.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng</i>	-	4.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng</i>	-	2.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng</i>	9.500.000.000	2.000.000.000
Cộng	12.571.015.504	9.690.679.792

6.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng BIDV	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng OCB	4.000.000.000	-
Cộng	6.000.000.000	-

6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	1.173.460.365	529.111.935
Đại lý Công Ty TNHH MTV TM DV XD Mai Nguyễn	198.847.028	169.059.658
Đại lý Phạm Chí Cường	176.007.528	-
Đối tượng khác	177.238.895	439.614.614
Cộng	1.725.553.816	1.137.786.207

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ Phần Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	1.173.460.365	529.111.935
---	---------------	-------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.4.1. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	997.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	200.000.000	-
+ Đặt cọc mua đất mở sết	-	-	200.000.000	-
- Phải thu khác	145.088.889	-	65.016.525	-
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	145.088.889	-	18.763.889	-
+ Phải thu lại BHXH - theo quyết toán BHXH	-	-	46.252.636	-
Cộng	145.088.889	-	266.013.525	-
6.4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	283.228.792	-	255.191.821	-
+ Ký quỹ phục hồi môi trường mở sết Đồng Chanh	283.228.792	-	255.191.821	-
Cộng	283.228.792	-	255.191.821	-



6.5 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	12.007.203.413	-	10.798.346.252	-
- Công cụ, dụng cụ	59.478.133	-	46.479.576	-
- Chi phí SXKD dở dang	463.428.300	-	205.611.898	-
- Thành phẩm	3.836.579.234	-	3.081.607.274	-
Cộng	16.366.689.080	-	14.132.045.000	-

Ghi chú:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm và đầu năm;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm và đầu năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6 .6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
6.6.1. Ngắn hạn		
- Chi phí bốc dỡ đất tăng phủ, khai mương, đắp đê tại mỏ sét Đồng Chanh	157.707.619	449.147.704
- Chi phí dời đất ủ, xà bần	-	38.150.000
Cộng	157.707.619	487.297.704
6.6.2. Dài hạn		
- Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh	29.962.483.499	31.932.385.726
<i>Trong đó, chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu vực mỏ chưa khai thác (giai đoạn 2), chưa phân bổ chi phí.</i>	<i>20.602.671.500</i>	<i>19.618.661.500</i>
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn XDCB mỏ sét Đồng Chanh	343.866.012	452.396.722
- Chi phí pallet chất xếp sản phẩm	10.312.500	153.828.121
- Chi phí thay tole nhựa coposite trại phơi sấy	92.597.954	82.789.314
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	28.794.624
- Chi phí di dời cát kẹp tại mỏ sét	62.454.802	727.288.870
- Chi phí sửa chữa	90.119.448	-
Cộng	30.561.834.215	33.377.483.377



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.104.569.494	6.105.974.478	795.818.182	31.400.145	-	19.037.762.299
Số tăng trong năm	1.512.954.545	-	-	-	-	1.512.954.545
- Xây dựng cơ bản	1.512.954.545	-	-	-	-	1.512.954.545
Số giảm trong năm (Thanh lý)	-	(170.000.000)	-	-	-	(170.000.000)
Số dư cuối năm	13.617.524.039	5.935.974.478	795.818.182	31.400.145	-	20.380.716.844
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.605.269.513	3.696.493.213	118.730.942	31.400.145	-	12.451.893.813
Số tăng trong năm	1.073.664.086	452.765.077	99.477.276	-	-	1.625.906.439
- Khấu hao trong năm	1.073.664.086	452.765.077	99.477.276	-	-	1.625.906.439
Số giảm trong năm (Thanh lý)	-	(83.229.101)	-	-	-	(83.229.101)
Số dư cuối năm	9.678.933.599	4.066.029.189	218.208.218	31.400.145	-	13.994.571.151
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.499.299.981	2.409.481.265	677.087.240	-	-	6.585.868.486
Tại ngày cuối năm	3.938.590.440	1.869.945.289	577.609.964	-	-	6.386.145.693

Ghi chú:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

	Số cuối năm	Số đầu năm
: Không có	Không có	Không có
: 2.485.287.488	2.485.287.488	2.384.634.988
: Không có	Không có	Không có
: Không có	Không có	Không có
: Không có	Không có	Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.8. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
6.8.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời		
+ Chi phí phục hồi môi trường mỏ sét	388.817.281	264.625.446
+ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.261.795.260	1.968.421.748
+ Tiền đền bù đất mỏ sét và chi phí ban đầu	-	1.422.056.251
+ Trích trước chi phí phải trả khác	213.054.000	282.000.000
Cộng	2.863.666.541	3.937.103.445
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	572.733.308	787.420.689
6.8.2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời		
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	145.088.889	18.763.889
Cộng	145.088.889	18.763.889
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.017.778	3.752.778

011729-C
CÔNG TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
TRÊN TOÀN
CẢ NƯỚC
HỒ CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN Trọng Phát	1.227.961.023	1.227.961.023	479.688.000	479.688.000
DNTN Dũng Gò Công	-	-	208.725.000	208.725.000
Công Ty TNHH MTV Hoàng Khánh Ngọc	371.968.300	371.968.300	155.114.300	155.114.300
Công Ty TNHH MTV Đặng Ngọc Diễm Phương	249.563.241	249.563.241	90.496.808	90.496.808
Đối tượng khác	266.144.418	266.144.418	17.498.898	17.498.898
Cộng	2.115.636.982	2.115.636.982	951.523.006	951.523.006

6.10 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty TNHH MTV SX Gạch tuynel Như Ý	40.779.000	40.779.000	-	-
Cty TNHH MTV Gạch Tuynel Hồng Phát Đồng Nai	30.000.000	30.000.000	-	-
Công ty TNHH Trần Nhẹ	23.124.000	23.124.000	-	-
Các đối tượng khác	19.701.720	19.701.720	11.084.365	11.084.365
Cộng	113.604.720	113.604.720	11.084.365	11.084.365

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	trong năm	trong năm	trong năm	trong năm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		255.240.944	3.834.963.695	3.976.249.474				113.955.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.598.960.449	2.672.697.952	3.260.960.449				1.010.697.952
Thuế tài nguyên		73.263.069	1.911.856.877	1.547.044.104				438.075.842
Phí bảo vệ môi trường		13.416.000	257.891.200	231.221.200				40.086.000
Tiền cấp quyền khai thác		1.557.563.304	1.389.751.070	685.519.114				2.261.795.260
Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000				-
Tiền thuế đất		-	697.397.684	697.397.684				-
Thuế thu nhập cá nhân	12.159.401		176.028.852	172.685.817			8.816.366	
Cộng	12.159.401	3.498.443.766	10.943.587.330	10.574.077.842			8.816.366	3.864.610.219

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

- Trích trước chi phí khuyến mãi khách hàng đạt doanh số tiêu thụ gạch ngói
- Chi phí hội nghị khách hàng, hội nghị người lao động
- Chi phí khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
-	54.000.000
-	153.000.000
213.054.000	75.000.000
213.054.000	282.000.000

6.13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

- Tài sản thừa chờ giải quyết
- Kinh phí công đoàn
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn
- + *Cung cấp xỉ than đá*
- Các khoản phải trả, phải nộp khác
- + *Thuế TNCN nộp hộ người chuyển nhượng mở sét*
- + *Khác*

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
13.854.960	138.054.479
44.423.770	15.659.680
-	50.000.000
-	50.000.000
393.679.610	373.999.410
393.679.610	372.612.410
-	1.387.000
451.958.340	577.713.569

6.14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

- Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mở sét

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
388.817.281	264.625.446
388.817.281	264.625.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	46.683.000.000	(730.457.045)	5.753.462.859	2.560.886.037	54.266.891.851
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	10.918.998.927	10.918.998.927
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.711.007.132)	(1.711.007.132)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL</i>	-	-	-	(1.091.899.893)	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1.091.899.893	(1.091.899.893)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(3.246.810.000)	(3.246.810.000)
Số dư cuối năm trước	46.683.000.000	(730.457.045)	6.845.362.752	7.430.167.939	60.228.073.646
(Số dư đầu năm nay)					
- Lợi nhuận tăng trong năm này	-	-	-	11.645.138.506	11.645.138.506
- Tăng vốn trong năm (trả cổ tức bằng cổ phiếu)	3.478.240.000	-	-	(3.478.240.000)	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.787.528.761)	(1.787.528.761)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, thưởng BQL</i>	-	-	-	(1.164.513.850)	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1.164.513.850	(1.164.513.850)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(3.478.725.000)	(3.478.725.000)
Số dư cuối năm	50.161.240.000	(730.457.045)	8.009.876.602	9.166.298.834	66.606.958.391



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty CP VL và XD Bình Dương	15.000.120.000	13.953.600.000
- Cổ phiếu quỹ (mệnh giá)	300.000.000	300.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	34.861.120.000	32.429.400.000
Cộng	50.161.240.000	46.683.000.000

6.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	46.683.000.000	46.683.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	3.478.240.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.161.240.000	46.683.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (bao gồm cổ phiếu)	6.956.965.000	3.246.810.000

6.15.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.016.124	4.668.300
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.016.124	4.668.300
+ Cổ phiếu phổ thông	5.016.124	4.668.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	30.000	30.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000	30.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.986.124	4.638.300
+ Cổ phiếu phổ thông	4.986.124	4.638.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

6.15.5. Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :		
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu :	7.5%/ cổ phiếu	không phát sinh
- Trả cổ tức bằng tiền mặt :	7.5%/ cổ phiếu	7%/ cổ phiếu
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :	không phát sinh	không phát sinh

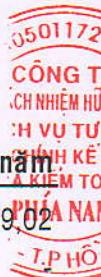
6.15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	8.009.876.602	6.845.362.752

6.16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6.6.1. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	78,02	89,02
- EUR	-	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
DOANH THU		
- Doanh thu bán gạch ngói	45.500.926.227	40.982.210.338
- Doanh thu bán đất sét, cát xây dựng	10.422.918.494	9.057.054.473
- Doanh thu bán hàng hóa	5.242.150	-
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Thuế gián thu bao gồm trong giá bán	(1.552.055.093)	(1.067.972.846)
Cộng	54.377.031.778	48.971.291.965
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Cổ đông lớn)	17.401.921.209	16.061.896.719
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	-	-
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	54.377.031.778	48.971.291.965

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn sản phẩm gạch ngói	27.112.373.852	25.328.660.538
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	6.619.927.105	4.689.063.993
- Giá vốn hàng hóa	5.227.273	-
Cộng	33.737.528.230	30.017.724.531

7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	356.882.643	248.594.100
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	145.088.889	18.763.889
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.046.306
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.787	17.055
Cộng	501.989.319	270.421.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

7.4 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	133.978.000	36.631.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.087.816	516.496.131
- Chi phí bằng tiền khác	(47.772.720)	164.596.364
Cộng	453.293.096	717.723.495

7.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	3.791.478.660	3.145.965.865
- Chi phí vật liệu quản lý	46.761.449	30.302.465
- Chi phí đồ dùng văn phòng	94.118.638	46.619.997
- Chi phí khấu hao TSCĐ	104.376.168	104.376.168
- Thuế, phí, lệ phí	254.937.828	29.793.469
- Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	24.668.000	43.893.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.568.146	257.079.679
- Chi phí bằng tiền khác	484.725.326	635.291.001
Cộng	5.321.634.215	4.293.321.644

7.6 THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý nguyên vật liệu thừa từ kết quả kiểm kê năm trước	138.054.479	106.783.813
- Các khoản khác	2.827.273	4.960.363
Cộng	140.881.752	111.744.176

7.7 CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	41.316.354	-
- Tiền cấp quyền KTKS bổ sung của các năm trước theo thông báo của tỉnh Bình Dương	-	186.198.264
- Chi phí tiền thuê đất bổ sung của các năm trước theo thông báo của tỉnh Bình Dương	900.054.697	-
- Chi phí khác	8.287.418	264.797
Cộng	949.658.469	186.463.061

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

7.8 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.641.737.818	13.046.067.470
- Chi phí công cụ	149.103.248	184.345.176
- Chi phí nhân công	12.605.626.396	11.203.754.938
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.536.450.079	1.458.405.221
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.515.757.632	5.477.089.150
- Chi phí bằng tiền khác	8.362.043.191	6.190.278.829
Cộng	43.810.718.364	37.559.940.784

7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	2.672.697.952	3.599.960.449
Cộng	2.672.697.952	3.599.960.449

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.557.788.839	14.138.224.760
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		

+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)

5.462.828 138.407.250

+ Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)

(1.199.761.905) 2.086.824.578

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	13.363.489.762	16.363.456.588
- Thuế TNDN hiện hành tính Trên thu nhập chịu Thuế năm	2.672.697.952	3.599.960.449
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	2.672.697.952	3.599.960.449

05011729
CÔNG TY
CƠ SỞ HỮU
CÁ NHÂN
CHÍNH KẾ TỐ
À KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
PHỐ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	29.017.778	3.752.778
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(18.739.952)	(439.268.614)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	233.427.333	60.822.055
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.752.778)	(6.040.835)
Cộng	239.952.381	(380.734.616)

7.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.645.138.506	10.918.998.927
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	1.787.528.761	1.711.007.132
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.986.124	4.638.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.977	1.985

7.12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.645.138.506	10.918.998.927
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	1.787.528.761	1.711.007.132
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.986.124	4.638.300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.977	1.985

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

8.3 Thông tin về các bên liên quan

8.3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn

8.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lương của HĐQT, BGD	829.388.000	862.555.000
Thu nhập thưởng của HĐQT, BGD	339.973.000	330.496.000
Thù lao của HĐQT và BGD	277.167.000	274.701.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính 2016 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	19.142.113.334	17.668.056.728
	Đã thu tiền bán sản phẩm	18.497.764.904	17.372.498.663
	Phải trả tiền mua vật tư, nhiên liệu	1.605.940.000	780.441.000
	Đã trả tiền mua vật tư, nhiên liệu	1.442.565.000	780.441.000
	Phải trả tiền HĐ quảng cáo	45.534.000	501.642.847
	Đã trả tiền HĐ quảng cáo	45.534.000	501.642.847

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	1.173.460.365	529.111.935
	Phải trả tiền mua vật tư, nhiên liệu	163.375.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

9. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp, khác		Tổng
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Kết quả kinh doanh bộ phận					
- Doanh thu	45.506.168.377	40.982.210.338	10.422.918.494	9.057.054.473	55.929.086.871
- Giảm trừ doanh thu	-	-	1.552.055.093	1.067.972.846	1.552.055.093
- Giá vốn	27.117.601.125	25.328.660.538	6.619.927.105	4.689.063.993	33.737.528.230
- Lợi nhuận gộp	18.388.567.252	15.653.549.800	2.250.936.296	3.300.017.634	20.639.503.548
Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
- Chi phí khấu hao trong kỳ	1.416.869.899	1.273.281.447	201.953.208	201.953.208	1.618.823.107
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong năm	317.480.430	488.200.175	3.667.232.469	2.180.411.034	3.984.712.899
					1.475.234.655
					2.668.611.209



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm						
Tài sản bộ phận										
- Tài sản cố định hữu hình	18.239.822.147	16.896.867.602	2.140.894.697	2.140.894.697	2.140.894.697	2.140.894.697	20.380.716.844	19.037.762.299		
Nguyên giá	12.592.994.773	11.252.998.236	1.401.576.378	1.401.576.378	1.198.895.577	1.198.895.577	13.994.571.151	12.451.893.813		
Hao mòn lũy kế	5.646.827.374	5.643.869.366	739.318.319	739.318.319	941.999.120	941.999.120	6.386.145.693	6.585.868.486		
- Chi phí trả trước dài hạn	1.552.343.762	1.307.245.489	46.658.531.272	46.658.531.272	45.674.521.272	45.674.521.272	48.210.875.034	46.981.766.761		
Giá trị ban đầu	1.285.979.541	1.041.833.430	14.505.533.555	14.505.533.555	12.562.449.954	12.562.449.954	15.791.513.096	13.604.283.384		
Phân bổ lũy kế	193.029.902	265.412.059	30.368.804.313	30.368.804.313	33.112.071.318	33.112.071.318	30.561.834.215	33.377.483.377		
- Tài sản không phân bổ							44.265.710.267	33.429.162.625		
- Tổng tài sản							74.827.544.482	66.806.646.002		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

10. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như

10.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm nay, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể.

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

10.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không có khả năng thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty Cổ Phần Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

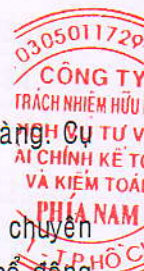
Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

10.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	2.115.636.982	-	-	2.115.636.982
Phải trả người lao động	61.668.000	-	-	61.668.000
Chi phí phải trả	213.054.000	-	388.817.281	601.871.281
Các khoản phải trả khác	451.958.340	-	-	451.958.340
Cộng	2.842.317.322	-	388.817.281	3.231.134.603
Số đầu năm				
Phải trả người bán	951.523.006	-	-	951.523.006
Phải trả người lao động	172.648.000	-	-	172.648.000
Chi phí phải trả	282.000.000	-	264.625.446	546.625.446
Các khoản phải trả khác	577.713.569	-	-	577.713.569
Cộng	1.983.884.575	-	264.625.446	2.248.510.021

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

11. Tài sản đảm bảo

11.1. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

11.2. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.571.015.504	9.690.679.792	12.571.015.504	9.690.679.792
Phải thu khách hàng	1.725.553.816	1.137.786.207	1.725.553.816	1.137.786.207
Trả trước cho người bán	48.731.200	74.700.000	48.731.200	74.700.000
Các khoản phải thu khác	428.317.681	521.205.346	428.317.681	521.205.346
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.115.636.982	951.523.006	2.115.636.982	951.523.006
Người mua trả tiền trước	113.604.720	11.084.365	113.604.720	11.084.365
Phải trả người lao động	61.668.000	172.648.000	61.668.000	172.648.000
Chi phí phải trả	213.054.000	282.000.000	213.054.000	282.000.000
Các khoản phải trả khác	840.775.621	842.339.015	840.775.621	842.339.015

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và Công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	49,5%	38,6%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	50,5%	61,4%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	11,0%	9,8%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	89,0%	90,2%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	1,60	1,50
Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,60	1,80
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	4,70	4,10
Tỷ suất sinh lợi		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	26,8%	28,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	21,4%	22,3%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	20,6%	22,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	16,4%	17,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,4%	19,1%

14. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính

Hứa Ngọc Chính

Đỗ Thành Lộc

